

Số: 1207/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 24/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 1086/BNV-CCVC ngày 05/02/2026 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 361/2025/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Công văn số 2806/SNN&MT-VP ngày 06/3/2026 về việc đề nghị thẩm định, trình phê duyệt vị trí việc làm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2296/TTr-SNV ngày 01/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm của Sở Nông nghiệp và Môi trường, như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm: 138 vị trí, trong đó:

a) Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: 14 vị trí;

b) Vị trí việc làm công chức chuyên môn, nghiệp vụ: 119 vị trí;

c) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 05 vị trí.

(Chi tiết theo Phụ lục I - Danh mục vị trí việc làm kèm theo).

2. Tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm: theo Phụ lục II *(đính kèm)*.

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm

1. Trên cơ sở biên chế công chức được cấp thẩm quyền giao, danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, quyết định số lượng biên chế bố trí theo từng vị trí việc làm bảo đảm phù hợp với số lượng, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trong thực tiễn *(riêng đối với bố trí các vị trí lãnh đạo, quản lý được thực hiện quy định có liên quan)*. Theo đó, sắp xếp, bố trí lại công chức theo vị trí việc làm và tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt, bảo đảm trong số lượng biên chế được giao.

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, bố trí lại công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt, phải bảo đảm các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoạt động liên tục, thông suốt.

2. Căn cứ theo tình hình thực tế, thường xuyên rà soát các quy định, điều kiện, tiêu chuẩn, yêu cầu của vị trí việc làm và cập nhật, điều chỉnh Bản mô tả công việc phù hợp theo quy định, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, theo dõi.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan, đơn vị có sự thay đổi theo các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP thì thực hiện điều chỉnh vị trí việc làm theo quy định.

Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tham mưu, hướng dẫn việc xác định đối tượng giữ các chức danh Phó Giám đốc sở và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để làm căn cứ xem xét, quyết định bố trí ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương phù hợp đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP.

3. Theo dõi, tổng hợp việc thực hiện các quy định về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với trường hợp đang thực hiện các quy trình có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng công chức (điều động, tiếp nhận, bổ nhiệm,...) theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước ngày ban hành

Quyết định này thì tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành thì thực hiện theo Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 764/QĐ-UBND-HC ngày 11/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, danh mục vị trí việc làm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TH, T.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

Phụ lục I

Danh mục vị trí việc làm công chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường

(Kèm theo Quyết định số 1207 /QĐ-UBND ngày 15 / 4 /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên đơn vị/Vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Ghi chú
A	LÃNH ĐẠO SỞ		
1.1	Giám đốc	Chuyên viên cao cấp	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
1.2	Phó Giám đốc	Chuyên viên cao cấp/chuyên viên chính	
B	PHÒNG THUỘC SỞ		
I	Văn phòng Sở		
1.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1	Chánh Văn phòng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Chánh Văn phòng		
1.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Chuyên viên chính về tổ chức - biên chế	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về tổ chức – biên chế	Chuyên viên	
3	Chuyên viên chính về tổ chức cán bộ	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về tổ chức cán bộ	Chuyên viên	
5	Chuyên viên chính về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ	Chuyên viên chính	
6	Chuyên viên về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ	Chuyên viên	
7	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính	
8	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	
9	Chuyên viên về công tác thanh niên	Chuyên viên	
10	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính	
11	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	
12	Chuyên viên chính về xây dựng pháp luật	Chuyên viên chính	

13	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	Chuyên viên	
14	Pháp chế viên chính	Pháp chế viên chính	
15	Pháp chế viên	Pháp chế viên	
16	Chuyên viên chính về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên chính	
17	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên	
18	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	
19	Chuyên viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên chính	
20	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	
21	Chuyên viên về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Chuyên viên	
22	Chuyên viên chính về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên chính	
23	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên	
24	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	
25	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
26	Chuyên viên chính về quản trị công sở	Chuyên viên chính	
27	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	
28	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính	
29	Văn thư viên	Văn thư viên	
30	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính	
31	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	
1.3	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
1	Nhân viên bảo vệ		
2	Nhân viên lái xe		
3	Nhân viên phục vụ		
II	Phòng Tài chính		
2.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng		
2.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		

1	Chuyên viên chính về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước	Chuyên viên	
3	Chuyên viên chính về quản lý tài sản công	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về quản lý tài sản công	Chuyên viên	
5	Chuyên viên chính về quản lý giá	Chuyên viên chính	
6	Chuyên viên về quản lý giá	Chuyên viên	
7	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên chính	
8	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên	
9	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư	Chuyên viên chính	
10	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên	
11	Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch	Chuyên viên chính	
12	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	Chuyên viên	
13	Chuyên viên chính về quản lý đấu thầu	Chuyên viên chính	
14	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên	
15	Thống kê viên chính	Thống kê viên chính	
16	Thống kê viên	Thống kê viên	
17	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	Kế toán viên chính	
18	Kế toán viên	Kế toán viên	
19	Chuyên viên về thủ quỹ	Chuyên viên	
20	Chuyên viên chính về hội nhập kinh tế quốc tế	Chuyên viên chính	
21	Chuyên viên về hội nhập kinh tế quốc tế	Chuyên viên	
22	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính	
23	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	

24	Chuyên viên chính về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên chính	
25	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên	
26	Chuyên viên chính về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	Chuyên viên chính	
27	Chuyên viên về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	Chuyên viên	
28	Chuyên viên chính về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên chính	
29	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên	
30	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế số	Chuyên viên chính	
31	Chuyên viên về quản lý kinh tế số	Chuyên viên	
32	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	
33	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
III	Phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Biển		
3.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng		
3.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Chuyên viên chính về tài nguyên nước	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về tài nguyên nước	Chuyên viên	

3	Chuyên viên chính về địa chất, khoáng sản	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về địa chất, khoáng sản	Chuyên viên	
5	Chuyên viên chính quản lý tổng hợp về biển đảo	Chuyên viên chính	
6	Chuyên viên quản lý tổng hợp về biển đảo	Chuyên viên	
7	Chuyên viên về khí tượng thủy văn	Chuyên viên	
8	Chuyên viên chính về quản lý nước sạch nông thôn	Chuyên viên chính	
9	Chuyên viên về quản lý nước sạch nông thôn	Chuyên viên	
IV	Phòng Quản lý đất đai		
4.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng		
4.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Chuyên viên chính về đo đạc và bản đồ	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về đo đạc và bản đồ	Chuyên viên	
3	Chuyên viên chính về quản lý đất đai	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về quản lý đất đai	Chuyên viên	
5	Chuyên viên chính về viễn thám	Chuyên viên chính	
6	Chuyên viên về viễn thám	Chuyên viên	
V	Phòng Môi trường		
5.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng		
5.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Chuyên viên chính về môi trường	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về môi trường	Chuyên viên	
3	Chuyên viên chính về biến đổi khí hậu	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	Chuyên viên	
5	Chuyên viên chính về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Chuyên viên chính	

6	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Chuyên viên	
C	CHI CỤC THUỘC SỞ		
I	Chi cục Phát triển nông thôn		
1	Lãnh đạo Chi cục		
1.1	Chi cục trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
1.2	Phó Chi cục trưởng		
2	Phòng thuộc Chi cục		
2.1	Phòng Hành chính - Tổng hợp		
2.1.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.1.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kế toán trưởng hoặc Phụ trách kế toán	Kế toán viên chính	
	Kế toán viên	Kế toán viên	
	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	Chuyên viên	
	Văn thư viên	Văn thư viên	
	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	
	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	
	Chuyên viên về thủ quỹ	Chuyên viên	
2.1.3	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
	Nhân viên lái xe		
	Nhân viên phục vụ		
	Nhân viên bảo vệ		
2.2	Phòng Phát triển nông thôn		
2.2.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.2.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên chính về phát triển nông thôn	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về phát triển nông thôn	Chuyên viên	
2.3	Phòng Kinh tế hợp tác và Trang trại		

2.3.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.3.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên chính về phát triển nông thôn	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về phát triển nông thôn	Chuyên viên	
2.4	Phòng Các chương trình mục tiêu		
2.4.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.4.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên chính về phát triển nông thôn	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về phát triển nông thôn	Chuyên viên	
	Chuyên viên về giảm nghèo	Chuyên viên	
II	Chi cục Thủy sản		
1	Lãnh đạo Chi cục		
1.1	Chi cục trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
1.2	Phó Chi cục trưởng		
2	Phòng thuộc Chi cục		
2.1	Phòng Hành chính - Tổng hợp		
2.1.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.1.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	Chuyên viên	
	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán)	Kế toán viên	
	Kế toán viên	Kế toán viên	
	Văn thư viên	Văn thư viên	
	Chuyên viên về Lưu trữ	Chuyên viên	
	Chuyên viên về Thủ quỹ	Chuyên viên	

2.1.3	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
	Nhân viên phục vụ		
	Nhân viên lái xe		
	Nhân viên bảo vệ		
2.2	Phòng Kiểm ngư		
2.2.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.2.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kiểm ngư viên chính	Kiểm ngư viên chính	
	Kiểm ngư viên	Kiểm ngư viên	
	Thuyền trưởng tàu kiểm ngư	Thuyền viên kiểm ngư	
	Thuyền phó tàu kiểm ngư	Thuyền viên kiểm ngư	
2.2.3	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
	Thợ máy		
	Thuyền viên		
2.3	Phòng Thủy sản		
2.3.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.3.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên chính về quản lý thủy sản	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về quản lý thủy sản	Chuyên viên	
III	Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường		
1	Lãnh đạo Chi cục		
1.1	Chi cục trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
1.2	Phó Chi cục trưởng		
2	Phòng thuộc Chi cục		
2.1	Phòng Hành chính - Tổng hợp		
2.1.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.1.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		

	Chuyên viên về hành chính – văn phòng	Chuyên viên	
	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	
	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên	
	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán)	Kế toán viên	
	Kế toán viên	Kế toán viên	
	Văn thư viên	Văn thư viên	
	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	
	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	
	Chuyên viên về thủ quỹ	Chuyên viên	
2.1.3	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
	Nhân viên phục vụ		
	Nhân viên lái xe		
	Nhân viên bảo vệ		
2.2	Phòng Chất lượng		
2.2.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.2.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên chính về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên	
2.3	Phòng Chế biến và Phát triển thị trường		
2.3.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.3.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên chính về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên	

IV	Chi cục Thủy lợi		
1	Lãnh đạo Chi cục		
1.1	Chi cục trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
1.2	Phó Chi cục trưởng		
2	Phòng thuộc Chi cục		
2.1	Phòng Hành chính - Tổng hợp		
2.1.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.1.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kế toán trưởng hoặc Phụ trách kế toán	Kế toán viên	
	Kế toán viên	Kế toán viên	
	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
	Văn thư viên	Văn thư viên	
	Chuyên viên về thủ quỹ	Chuyên viên	
2.1.3	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
	Nhân viên phục vụ		
	Nhân viên lái xe		
	Nhân viên bảo vệ		
2.2	Phòng Quản lý và Xây dựng công trình		
2.2.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.2.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên chính về quản lý thủy lợi	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về quản lý thủy lợi	Chuyên viên	
2.3	Phòng Phòng, chống thiên tai		
2.3.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.3.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên chính về phòng, chống thiên tai	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về phòng, chống thiên tai	Chuyên viên	

	Chuyên viên chính về quản lý đê điều	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về quản lý đê điều	Chuyên viên	
2.4	Hạt Quản lý đê		
2.4.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Hạt trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Hạt trưởng		
2.4.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kiểm soát viên đê điều	Kiểm soát viên đê điều	
	Kiểm soát viên trung cấp đê điều	Kiểm soát viên trung cấp đê điều	
V	Chi cục Kiểm lâm		
1	Lãnh đạo Chi cục		
1.1	Chi cục trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
1.2	Phó Chi cục trưởng		
2	Phòng thuộc Chi cục		
2.1	Phòng Hành chính - Tổng hợp		
2.1.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.1.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kế toán trưởng hoặc Phụ trách kế toán	Kế toán viên	
	Kế toán viên	Kế toán viên	
	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
	Chuyên viên chính về tổ chức - biên chế	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về tổ chức - biên chế	Chuyên viên	
	Văn thư viên	Văn thư viên	
	Pháp chế viên	Pháp chế viên	
	Chuyên viên về thủ quỹ	Chuyên viên	
2.1.3	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
	Nhân viên phục vụ		
	Nhân viên lái xe		
	Nhân viên bảo vệ		

2.2	Phòng Quản lý, phát triển và sử dụng rừng		
2.2.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.2.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kiểm lâm viên chính	Kiểm lâm viên chính	
	Kiểm lâm viên	Kiểm lâm viên	
	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên	
2.3	Hạt Kiểm lâm khu vực I		
2.3.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Hạt trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Hạt trưởng		
2.3.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kiểm lâm viên	Kiểm lâm viên	
2.4	Hạt Kiểm lâm khu vực II		
2.4.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Hạt trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Hạt trưởng		
2.4.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kiểm lâm viên	Kiểm lâm viên	
2.5	Hạt Kiểm lâm khu vực III		
2.5.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Hạt trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Hạt trưởng		
2.5.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kiểm lâm viên	Kiểm lâm viên	
VI	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		
1	Lãnh đạo Chi cục		
1.1	Chi cục trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
1.2	Phó Chi cục trưởng		
2	Phòng thuộc Chi cục		
2.1	Phòng Hành chính - Tổng hợp		
2.1.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục		

	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2.1.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kế toán trưởng hoặc Phụ trách kế toán	Kế toán viên	
	Kế toán viên	Kế toán viên	
	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
	Văn thư viên	Văn thư viên	
	Chuyên viên về thủ quỹ	Chuyên viên	
2.1.3	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
	Nhân viên phục vụ		
	Nhân viên lái xe		
	Nhân viên bảo vệ		
2.2	Phòng Kỹ thuật		
2.2.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.2.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên chính về quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật	Chuyên viên	
2.3	Phòng Quản lý chuyên ngành		
2.3.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.3.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên chính về quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật	Chuyên viên	
	Kiểm dịch viên thực vật	Kiểm dịch viên thực vật	
	Chuyên viên về quản lý phân bón	Chuyên viên	
	Chuyên viên chính về quản lý thuốc bảo vệ thực vật	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về quản lý thuốc bảo vệ thực vật	Chuyên viên	

2.4	Trạm Kiểm dịch cửa khẩu quốc tế Thường Phước		
2.4.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trạm trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trạm trưởng		
2.4.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kiểm dịch viên thực vật	Kiểm dịch viên thực vật	
2.5	Trạm Kiểm dịch cửa khẩu quốc tế Dinh Bà		
2.5.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trạm trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trạm trưởng		
2.5.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kiểm dịch viên thực vật	Kiểm dịch viên thực vật	
2.6	Các Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực		
2.5.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trạm trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trạm trưởng		
2.5.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kiểm dịch viên thực vật	Kiểm dịch viên thực vật	
	Kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật	Kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật	
	Chuyên viên về quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật	Chuyên viên	
VII	Chi cục Chăn nuôi và Thú y		
1	Lãnh đạo Chi cục		
1.1	Chi cục trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
1.2	Phó Chi cục trưởng		
2	Phòng thuộc Chi cục		
2.1	Phòng Hành chính - Tổng hợp		
2.1.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục		

	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2.1.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kế toán trưởng hoặc Phụ trách kế toán	Kế toán viên	
	Kế toán viên	Kế toán viên	
	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	
	Văn thư viên	Văn thư viên	
	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	
	Chuyên viên về thủ quỹ	Chuyên viên	
2.1.3	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
	Nhân viên phục vụ		
	Nhân viên lái xe		
	Nhân viên bảo vệ		
2.2	Phòng Quản lý chăn nuôi và thuốc thú y		
2.2.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.2.2	VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên chính về quản lý chăn nuôi	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi	Chuyên viên	
2.3	Phòng Dịch tễ thú y		
2.3.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		
2.3.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên chính về quản lý thú y	Chuyên viên chính	
	Chuyên viên về quản lý thú y	Chuyên viên	
2.4	Phòng Kiểm dịch động vật		
2.4.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục		

2.4.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Kiểm dịch viên chính động vật	Kiểm dịch viên chính động vật	
	Kiểm dịch viên động vật	Kiểm dịch viên động vật	
2.5	Các Trạm thuộc Chi cục		
2.5.1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
	Trạm trưởng	Chuyên viên chính /Chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
	Phó Trạm trưởng		
2.5.2	VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi	Chuyên viên	
	Chuyên viên về quản lý thú y	Chuyên viên	
	Kiểm dịch viên động vật	Kiểm dịch viên động vật	
	Kỹ thuật viên kiểm dịch động vật	Kỹ thuật viên kiểm dịch động vật	

Phụ lục II
Tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm
của Sở Nông nghiệp và Môi trường
(Kèm theo Quyết định số 1207 /QĐ-UBND ngày 15/4/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Ngạch công chức tương ứng vị trí việc làm	Chức vụ/Chức danh tương ứng được bố trí	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp	Giám đốc sở và tương đương	100%	<i>Đối tượng chức danh giữ ngạch cụ thể theo quy định của cấp có thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP</i>
		Phó Giám đốc sở và tương đương	Không quá 50% tổng số cấp phó của người đứng đầu của toàn bộ các cơ quan chuyên môn tỉnh	
2	Chuyên viên chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Giám đốc Sở (<i>số lượng Phó Giám đốc sở còn lại không giữ ngạch tương ứng là chuyên viên cao cấp</i>); - Cấp trưởng, cấp phó các tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của Sở; - Công chức chuyên môn của Sở được bố trí vào vị trí việc làm chuyên viên chính và tương đương. 	Không quá 50% tổng số biên chế công chức được giao	
3	Chuyên viên	Công chức chuyên môn của sở được bố trí vào vị trí việc làm chuyên viên và tương đương trở xuống.	Số lượng công chức còn lại	